

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SỸ THÚ Y

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TY03010: SINH SẢN GIA SÚC 2
(VETERINARY THERIOGENOLOGY 2)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 8
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 2 (Lý thuyết: 1.5 – Thực hành: 0.5 - Tự học: 2)**
 - Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22.5 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm/trong nhà lưới: 7.5 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Ngoại sản
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: Không
- Học phần tiên quyết: TY03053 - Sinh sản gia súc 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng

* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể: Kiến thức chuyên môn	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
--	--

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
CDR3. Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.4: Áp dụng kiến thức thú y vào việc Nâng cao sức khỏe vật nuôi
Kỹ năng chuyên môn	
CDR8. Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các quy trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật.	8.1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các quy trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng
CDR10. Sử dụng công nghệ thông tin và các thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra	10.2. Sử dụng các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR12. Tuân thủ quy định và luật pháp, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp	12.2. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp của bác sĩ thú y
CDR13. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, nâng cao sức khỏe cho con người và thể hiện lòng yêu quý động vật	13.2. Thể hiện lòng yêu quý động vật

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

*** Mục tiêu:**

- Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về quá trình gia súc mang thai, quá trình gia súc sinh đẻ, nguyên nhân, triệu chứng, cũng như tác hại của những bệnh sinh sản

chính nhằm biết cách chẩn đoán, chủ động phòng cung như điều trị các bệnh sinh sản ở gia súc.

- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng về cố định bệnh súc, phương pháp khám thai, khám cơ quan sinh dục, xử lý các ca bệnh sinh sản, điều trị bệnh buồng trứng ở gia súc.

- Học phần hình thành cho người học thái độ yêu thương gia súc, bình tĩnh, ân cần, kiên trì trong chẩn đoán, điều trị và chăm sóc cho gia súc mắc bệnh sinh sản.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT				
		3.4	8.1	10.2	12.2	13.2
TY03010	Sinh sản gia súc 2	M	M	M	M	M

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức về sinh lý sinh sản, trao đổi chất, nội tiết, viêm, nhiễm trùng cơ quan sinh sản vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh sinh sản cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.4: Áp dụng kiến thức thú y vào việc Nâng cao sức khỏe vật nuôi
Kỹ năng		
K2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các quy trình kỹ thuật trong chẩn đoán và điều trị bệnh sinh sản cho vật nuôi nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng.	8.1. Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các quy trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng

K3	Sử dụng thành thạo các thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng và trị bệnh sinh sản trên động vật đạt mục tiêu đề ra.	10.2. Sử dụng các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Thể hiện các hành vi tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	12.2. Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp của bác sĩ thú y
K5	Thể hiện lòng yêu quý động vật thông qua các hoạt động tiếp xúc, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi	13.2. Thể hiện lòng yêu quý động vật

IV. Nội dung tóm tắt của học phần

TY03010 - Sinh sản gia súc 2 (Veterinary Theriogenology 2) (2TC: 1,5 –0,5 –06).

Học phần Sinh sản gia súc 2 cung cấp cho người họ các kiến thức về Hiện tượng gia súc có thai; Quá trình đẻ; Những bệnh trong thời gian gia súc cái mang thai; Hiện tượng sảy thai; Những bệnh trong thời gian gia súc sinh đẻ; Những bệnh sau khi gia súc sinh đẻ; Bệnh ở tuyến vú; Hiện tượng không sinh sản ở gia súc.

Phương pháp giảng dạy: sinh viên nghe giảng và thực hành trên lớp. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần 10%; Thi giữa kì 30%; Thi cuối kì 60%.

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5
Thuyết giảng	X			X	
Thực hành		X	X		X

2. Phương pháp học tập

Đối với lý thuyết, sinh viên theo dõi giảng viên thuyết trình, tương tác với giảng viên, tự tìm hiểu các nội dung tự học. Đối với thực hành, sinh viên theo dõi giảng viên hướng dẫn và thực hiện theo các hướng dẫn của giảng viên.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia ít nhất 80% số lượng tiết lý thuyết và 100% số lượng tiết thực hành

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước bài giảng của giáo viên, giáo trình trước khi học bài mới.

- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ các tiết học thực hành và tham gia thực hiện các nội dung thực hành.

- Thi giữa kì: tất cả sinh viên đều phải tham gia thi giữa kì.

- Thi cuối kì: tất cả sinh viên đều phải tham gia thi cuối kì

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 2. Ma trận đánh giá

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	Thời gian/tuần học
Đánh giá quá trình (40%)						
Rubric 1. Chuyên cần (10%)				X	X	Tuần 1-8
Rubric 2. Thực hành (không tính trọng số)		X	X			Tuần 3-11
Rubric 3. Thi giữa kì (30%)	X					Tuần 5
Đánh giá cuối kì (60%)						
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	X					Theo lịch thi của Học viện

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (10%)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
		8.5-10	6.5-8.4	4.0-6.4	0-3.9

Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Tham gia 90-100% thời lượng	Tham gia 80-90% thời lượng	Tham gia 70-80% thời lượng	Tham gia <70% thời lượng

Rubric 2. Đánh giá thực hành (0 %, không tính trọng số, không lấy điểm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5-10	Khá 6.5-8.4	Trung bình 4.0-6.4	Kém 0-3.9
Thái độ tham dự	10	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Có tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ
Kết quả thực hành	60	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có 1 sai sót quan trọng	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
Báo cáo thực hành	30	Đầy đủ nội dung, đúng format và đúng hạn	Điểm tuỳ theo mức độ đáp ứng		

Rubric 3: Đánh giá thi giữa kì (30%)

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMD của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Quá trình mang thai ở gia súc	Chỉ báo 1: Phân biệt được thời gian mang thai của các loài gia súc Chỉ báo 2: Phân tích được ưu nhược điểm của các phương pháp chẩn đoán có thai ở gia súc cái	K1
Quá trình sinh đẻ ở gia súc	Chỉ báo 1: Phân tích được các biểu hiện của gia súc cái trước giai đoạn sinh đẻ Chỉ báo 2: Phân tích được các giai đoạn của quá trình sinh đẻ ở gia súc cái	K1
Các bệnh sinh sản trong thời gian gia súc cái mang thai	Chỉ báo 1: Phân tích được đặc điểm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng và trị một số bệnh sinh sản của gia súc cái trong thời gian mang thai	K1

Các bệnh sinh sản trong thời gian gia súc cái sinh đẻ	Chỉ báo 4: Phân tích được đặc điểm, nguyên nhân, triệu chứng, phòng và trị một số bệnh sinh sản của gia súc cái trong thời gian sinh đẻ	K1
---	---	----

Rubric 4: Đánh giá thi cuối kì (60%)

Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

(Chỉ dùng cho các hoạt động đánh giá thi giữa kì và thi cuối kì theo hình thức trwacs nghiệm, tự luận)

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1. Áp dụng kiến thức về sinh lý sinh sản, nội tiết, trao đổi chất, viêm, nhiễm trùng cơ quan sinh sản vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh sinh sản cho vật nuôi một cách hiệu quả.	<p>Chỉ báo 1: Phân biệt các kiến thức về sinh lý sinh sản, nội tiết, trao đổi chất, nhiễm trùng cơ quan sinh sản</p> <p>Chỉ báo 2: Phân biệt các kiến thức về bệnh sinh sản trên vật nuôi (bệnh sinh sản trong giờ gian gia súc cái mang thai, bệnh sinh sản trong thời gian sinh đẻ, đẻ khó, bệnh sinh sản sau khi đẻ, viêm vú, hiện tượng không sinh sản ở gia súc).</p>

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm đều bị trừ 10% số điểm.

Tham dự các bài thi: Sinh viên phải tham gia bài thi giữa kì. Nếu sinh viên không tham gia bài thi giữa kì sẽ không được tham gia kì thi cuối kì.

Tham gia thực hành: Nếu sinh viên không tham gia đủ các nội dung thực hành sẽ không được tham dự kì thi cuối kì.

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên phải chấp hành các qui định của môn học.

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

Giáo trình: Nguyễn Văn Thanh, Trần Tiến Dũng, Sử Thanh Long, Nguyễn Thị Mai Thơ (2016). *Bệnh sinh sản gia súc*. NXB Nông nghiệp, 201 trang.

* Tài liệu tham khảo khác:

1. A.A. Barragan, J.Lakritz, M.K.Carman, S. Bas, E. Hovingh, G.M. Schuenemann (2019).

Short communication: Assessment of biomarkers of inflammation in the vaginal discharge of postpartum dairy cows diagnosed with clinical metritis. Journal of Dairy science. Vol.102, issuse 8, 8/2019, p.7469-7475

2. Redeat Belayneh, Kelay Belihu, Asamenew Tesfaye (2014). *Microbilogical study on bacterial causes of bovine mastitis and its antibiotics susceblety patterns in East Showa Zone, Akaki District, Ethiopia*. Journal of Veterinary Medicine and Animal health. Vol.6, Issuse 4, p.116-122

3. K. Jeengar, V. Chaudhary, A. Kumar, S. Raiya, M. Gaur, G.N. Purohitl (2014). *Ovarian cysts in dairy cows: old and new concepts for definition, diagnosis and therapy*. Journal of Animal Reproduction, vol.11, number.2, p.63-73

*** Các nghiên cứu, kết quả nghiên cứu:**

1. Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Công Toản. (2016). *Thành phần, số lượng và tính mẫn cảm với kháng sinh của một số vi khuẩn hiếu khí được phân lập từ sữa và dịch tử cung lợn nái mắc hội chứng viêm tử cung – viêm vú – mất sữa (MMA)*. Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, số 24 năm 2016, trang 97-102.

2. Sử Thanh Long, Nguyễn Công Toản, Trần Văn Vũ (2017). *Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng tới thời gian mang thai của bò sữa nuôi tại xí nghiệp bò Phù Đổng, Hà Nội*. Tạp chí KH-CN Đại học Thái Nguyên, tập 164, số 4, năm 2017, trang 115-120.

3. Nguyễn Công Toản, Nguyễn Văn Thanh (2017). *Một số yếu tố ảnh hưởng đến viêm tử cung trên lợn nái lai ngoại nuôi tại vùng đồng bằng sông Hồng*. Tạp chí KH-KT Chăn nuôi, số 227, tháng 12/2017, trang 91-96.

4. Su Thanh Long, Nguyen Cong Toan, Pham Van Gioi, Phan Thi Hang (2021). *Factors associated with the odds of pregnancy for dairy cattle after treatment of ovarian disorders in Northern VietNam*. Tropical Animal Science Journal

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	<p>Chương 1: Hiện tượng có thai</p> <p>A/ Các nội dung chính trên lớp: (6,5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm 1.2. Thời gian có thai 1.3. Số lượng bào thai 1.4. Quá trình phát triển của phôi thai 1.5. Quá trình phát triển của bào thai qua các tháng 1.6. Hệ thống nhau thai 1.7. Vị trí, chiều, hướng của bào thai trong tử cung 1.8. Nuôi dưỡng, quản lý gia súc có thai 	K1, K2, K3, K4, K5

	<p>1.9. Chẩn đoán gia súc có thai</p> <p>Nội dung thực tập, thực tế: (3,5 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp khám đường sinh dục gia súc cái - Phương pháp khám thai cho gia súc <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phát triển của bào thai ngựa - Sự phát triển của bào thai bò - Sự phát triển của bào thai lợn - Chế độ khai thác và sử dụng gia súc có thai 	
2	<p>Chương 2: Quá trình sinh đẻ</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4,5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Khái niệm 2.2. Các yếu tố thúc đẩy quá trình sinh đẻ 2.3. Biểu hiện của gia súc mẹ khi gần đẻ 2.4. Quá trình sinh đẻ 2.5. Phương pháp đỡ đẻ 2.6. Thời kì sau đẻ <p>Nội dung thực tập, thực tế: (2,5 tiết)</p> <p>Kỹ thuật đỡ đẻ cho gia súc</p> <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 2.7. Chăm sóc gia súc sau khi đẻ 	K1, K4, K5 K1, K2, K3, K4, K5
3	<p>Chương 3: Những bệnh trong thời gian gia súc cái mang thai</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.1. Bệnh phù khi có thai 3.2. Hiện tượng xuất huyết tử cung 3.3. Rặn đẻ quá sớm 3.4. Bại liệt trước khi đẻ 3.5. Âm đạo lộn ra ngoài 3.6. Hiện tượng sảy thai <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 3.7. Có thai ngoài tử cung 3.8. Bệnh phù màng thai 3.9. Dịch thai qua ít 	K1, K4, K5

	Chương 4: Những bệnh thường gặp trong thời gian gia súc cái sinh đẻ	
3- 4	<p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.1. Bệnh rặn đẻ quá yếu 4.2. Bệnh rặn đẻ quá mạnh 4.2. Sát nhau 4.3. Tử cung lộn bít tắt <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 4.4. Vận tử cung 4.5. Hẹp xương chậu 4.6. Hẹp đường sinh dục 4.7. Rách đường sinh dục 	K1, K4, K5
4 - 5	<p>Chương 5: Đẻ khó</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (4,5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 5.1. Kiểm tra gia súc trước khi can thiệp 5.2. Chuẩn bị trước khi can thiệp đẻ khó 5.3. Một số loại đẻ khó và phương pháp can thiệp <p>Nội dung thực tập, thực tế: (1,5 tiết)</p> <p>Kỹ thuật can thiệp khi gia súc đẻ khó</p>	K1, K2, K3, K4, K5
6	<p>Chương 6: Các bệnh trong thời gian sau khi đẻ</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 6.1. Bệnh viêm tử cung 6.2. Bệnh liệt sau khi đẻ 6.3. Bệnh sốt sữa 6.4. Hội chứng lợn mẹ cắn con, ăn con <p>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> 6.5. Nhiễm trùng sau sinh đẻ 6.6. Viêm âm môn, tiền đình, âm đạo 	K1, K4, K5
6 - 7	<p>Chương 7: Bệnh ở tuyến vú</p> <p>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3,5 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3,5 tiết)</p>	K1, K4, K5

	7.1. Những phương pháp chẩn đoán bệnh ở tuyến vú 7.2. Phân loại viêm vú 7.3. Các biến chứng của bệnh viêm vú 7.4. Đề phòng bệnh viêm vú 7.5. Một số quá trình bệnh lý ở tuyến vú của lợn	
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết) 7.6. Một số đặc điểm cấu tạo sinh lý tuyến vú 7.7. Những yếu tố ảnh hưởng đến bệnh viêm vú ở bò sữa	K1, K4, K5
8	Chương 8: Hiện tượng rối loạn sinh sản ở gia súc	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (2 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 8.1. Hiện tượng không sinh sản ở gia súc cái 8.2. Hiện tượng chửa giả	K1, K4, K5
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (10 tiết) 8.3. Hiện tượng không sinh sản ở gia súc đực	K1, K4, K5

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, thực hành: máy tính, projector, bảng, dụng cụ, thuốc dùng cho thực hành
- E-learning

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Dr. Thị Kim Lành

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hạnh Nam

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Trần Thành Đàn

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Văn Thanh	Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Khoa Thú y	Điện thoại liên hệ: 0903252370
Email: nvthanh@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Công Toản	Học hàm, học vị: Bác sĩ thú y
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0904171336
Email: nctoan@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Thơ	Học hàm, học vị: Bác sĩ thú y
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0986625792
Email: ntmtho@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Bùi Văn Dũng	Học hàm, học vị: Bác sĩ thú y
Địa chỉ cơ quan: Ngoại sản, Thú y	Điện thoại liên hệ: 0948116797
Email: bvdung@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)	

BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5
DẠY VÀ HỌC					
Thuyết giảng	X			X	
Thực hành		X	X		X
ĐÁNH GIÁ					
Rubric 1. Chuyên cần				X	X
Rubric 2. Thực hành		X	X		
Rubric 3: Thi giữa kì	X				
Rubric 4: Thi cuối kì	X				

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯỜNG

- Lần 1: 7/ 2018

Bổ sung phần chẩn đoán có thai ở gia súc cái bằng siêu âm và X-quang

- Lần 2: 7/ 2019

Bổ sung phần phương pháp đỡ đẻ và can thiệp đẻ khó ở chó, mèo

- Lần 3: 7/ 2020

Chuyển phương pháp giảng dạy từ offline sang online

- Lần 4: 7/ 2021

Bổ sung thêm hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ

- Lần 5: 7/2022

Cập nhật tài liệu tham khảo